TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61**/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 15/5/2023.
V/v*: " Tranh chấp ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Văn Dũng

2. Ông: Nguyễn Thành Thái

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Quốc Từng - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 412/2023/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST -HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Thị H, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp V, xã B, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Anh Bùi Minh N, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2022, bản tự khai nguyên đơn chị Thị H trình bày như sau:*

Về hôn nhân: Chị Thị H và anh Bùi Minh N tự tìm hiểu yêu thương nhau, tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Hòn Đất cấp giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày 18/12/2020. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân vợ hồng hạnh phúc và sinh được 01 người con chung. Tuy nhiên về sau do anh N không quan tâm chăm sóc gia đình nên phát sinh mâu thuẫn, chị Thị H và anh Bùi Minh N sống ly thân kể từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Nay chị Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Bùi Minh N.

Về con chung: Chị Thị H trình bày chị và anh Bùi Minh N có 01 người con chung con chung là Bùi N, sinh ngày 05/12/2020. Ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Bùi Minh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị H trình bày chị và anh Bùi Minh N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt các thông báo và quyết định tố tụng hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự , anh Bùi Minh N không có bản khai trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Thị H yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Bùi Minh N, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Thị H và anh Bùi Minh N đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2020, chị Thị H và anh Bùi Minh N tự tìm hiểu yêu thương nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số xx ngày 18/12/2020, nên hôn nhân giữa chị Thị H và anh Bùi Minh N là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tháng 8 năm 2022, chị Thị H và anh Bùi Minh N phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp trong đời sống hôn nhân nên đã sống ly thân. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để chị Thị H và anh Bùi Minh N đoàn tụ nhằm xây dựng hạnh phúc gia đình, tuy nhiên anh Bùi Minh N vắng mặt điều đó chứng tỏ anh Bùi Minh N không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình . Tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 21/4/2023 gởi cho Tòa án, anh Bùi Minh N xác nhận mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, dù được hai bên gia đình giàn xếp nhưng không sống chung với nhau được và thời gian ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..."*

Hội đồng xét xử xét thấy , thời gian ly thân giữa chị Thị H và anh Bùi Minh N kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Thị H là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị H đối với anh Bùi Minh N.

[3.2] Về quan hệ con chung : Chị Thị H trình bày chị và anh Bùi Minh N có 01 người con chung là cháu Bùi N, sinh ngày 05/12/2020. Ly hôn chị Thị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung , quá trình tố tụng anh Bùi Minh N không có ý kiến phản đối, cháu Bùi N dưới 36 tháng tuổi. Do đó yêu cầu nuôi con của chị Thị H được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị H trình bày chị và anh Bùi Minh N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về án phí hôn nhân và gia đình : Chị Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147; 227; 228; 266; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81,82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Thị H được ly hôn với anh Bùi Minh N.

2. *Về quan hệ con chung :* Giao cháu Bùi N, sinh ngày 05/12/2020 cho chị Thị H nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi)

Anh Bùi Minh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung : Chị Thị H xác định đủ điều kiện để nuôi con chung nên không yêu cầu anh Bùi Minh N cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. *Về tài sản chung và nợ chung :* Chị Thị H xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004190 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất , tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
-UBND xãB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Phúc